TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/DS-ST
Ngày: 10/9/2020

V/v tranh chấp:"Quyền sử dụng đất; Chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

* Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Quách Trung Sơn

- Ông Huỳnh Văn Dũng

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Luông.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp: "Quyền sử dụng đất; Chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Nguyễn Văn C, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Đặng Ngọc C, sinh năm 1942

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Thái Mỹ C, sinh năm 1944

2. Đặng Kim X, sinh năm 1962

3. Đặng Kim C, sinh năm 1967

4. Đỗ Ngọc Anh T, sinh năm 2009

Người đại diện hợp pháp của Anh T: Đặng Kim C, sinh năm 1967 - Là người đại diện theo pháp luật

5. Đặng Ngọc M, sinh năm 1970

6. Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1978

7. Đặng Kim C, sinh năm 1977

8. Đặng Phú L, sinh năm 1982

9. Đặng Phú C, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Đặng Kim Ph, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 99/2 Hoàng Việt, khu phố 3, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Đặng Thái Mỹ N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị Ph và N: Thái Mỹ C, sinh năm 1944

Là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền ngày 24 và 26 tháng 6 năm 2019)

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông C, bà C, chị P, K C có mặt; các anh chị X, L, M, L, C vắng mặt; ông C và chị Ccó đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông có quyền sử dụng thửa đất số 1494, tờ bản đồ TTC1, diện tích 356,1m^2 đất ở và trồng cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 02/8/2012 do ông đại diện hộ đứng tên (thành viên trong hộ chỉ có 01 mình ông), tọa lạc ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí thửa đất này về hướng Nam giáp ranh liền kế với đất của ông Đặng Ngọc C thuộc thửa số 437 diện tích 13.798m^2, hai bên có ranh cụ thể là trụ đá và hàng rào lưới B40 từ nhiều năm qua. Hiện nay, do hoàn cảnh có khó khăn nên ông chuyển nhượng thửa đất cho người khác, quá trình thực hiện thủ tục thì ông Đặng Ngọc C cho rằng có lấn qua đất của ông ngang khoảng 50cm – dài khoảng 12m nên không ký vào biên bản mô tả đo đạc, cản trở ông thực hiện chuyển nhượng đất. Nay ông yêu cầu ông Đặng Ngọc C trả lại diện tích ngang khoảng 50cm – dài khoảng 12m trong thửa đất số 1494, tờ bản đồ TTC1, diện tích 356,1m^2 tọa lạc ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12/8/2019 ông Nguyễn Văn C có ý kiến bổ sung như sau: Nguồn gốc đất là do ông bà nội để lại cho cha mẹ ông là Nguyễn Thế K và Trần Thị H, năm 1997 thì bà H được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, năm 2007 thì mẹ là bà H chết, các anh chị em thống nhất phân chia các thửa đất, trong đó ông được chia 356,1m^2, và ngày 02/8/2012 thì được nhà nước cấp quyền sử dụng, ông đứng tên là hoàn toàn hợp pháp, yêu cầu đòi đất của ông C là hoàn toàn không có căn cứ, ông không đồng ý.

Ngày 30/3/2020 ông Nguyễn Văn C có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu xác định thửa đất số 1494, tờ bản đồ TTC1, diện tích 356,1m^2 tọa lạc ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông; yêu cầu ông C chấm dứt hành vi cản trở ông thực hiện quyền sử dụng đất là không ký giáp ranh.

* Bị đơn ông Đặng Ngọc C có đơn phản tố trình bày: Gia đình ông có thửa đất số 437, tờ bản đồ TTC1, diện tích 13.798m^2 tại 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền

Giang do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông đại diện hộ gia đình đứng tên ngày 13/10/2000; vế hướng Bắc tiếp giáp đất của ông là đất của ông Nguyễn Văn C thuộc thửa số 1494. Nguồn gốc đất là của cha ông là Đặng Văn Đ (đã chết) mua lại của vợ chồng ông Đặng Văn K, ông Nguyễn Thành L vào năm 1952. Trước năm 1975, con ông Đặng Văn Đ là Đặng Ngọc C có cho gia đình bà Trần Thị H (là bà Tư M từ Đồng Tháp di cư đến và xin ở nhờ, sau đó ông C tự ý kê khai để cấp quyền sử dụng, năm 2017 con bà H là ông C bơm cát lấp con rạch bà Thủ để bán đất mà không thông qua ý kiến của ông, nay còn khởi kiện thưa ông thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ phải trả lại thửa đất số 1494, tờ bản đồ TTC1, diện tích 356,1m^2 tọa lạc ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông ngay khi bản án có hiệu lực; yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số BK943540, vào sổ số CH00667, ngày 02/8/2012, thửa số 1494 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Các anh chị Đặng Kim C, Đặng Phú C, Đặng Thị Mỹ L, Đặng Kim C, Đặng Phúc L, Đặng Ngọc M, Đặng Kim X có ý kiến trình bày như lời trình bày của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết và xét xử, mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, thực hiện pháp luật tố tụng, thì tại phiên tòa tuân theo qui định. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm do các yêu cầu của nguyên đơn đã rút lại thì không xem xét và đình chỉ xét xử theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; về yêu cầu phản tố của bị đơn do không nộp chi phí tố tụng đề nghị đình chỉ theo Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với phần yêu cầu còn lại do nguyên đơn được cấp quyền sử dụng hợp pháp, theo trình tự thủ tục qui định, bị đơn không có chứng cứ, tài liệu chứng minh thửa đất tranh chấp là của ông C, không có cơ sở nên đề nghị chấp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút lại yêu cầu đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{I}- Về tố tụng: Căn cứ vào đơn trình bày, thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự, xác định quan hệ tranh chấp là: "Quyền sử dụng đất; Chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật".

1. Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C có đơn thay đổi, bổ sung, rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đưa ra yêu cầu sau cùng là xác định thửa đất số 1494, tờ bản đồ TTC1, diện tích 356,1m^2 tọa lạc ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông. Tại phiên tòa sơ thẩm ông C cũng rút lại, không yêu cầu ông C chấm dứt hành vi cản trở ông thực hiện quyền sử dụng đất là không ký giáp ranh; do ông C rút lại các yêu cầu trước khi mở phiên tòa nên không đặt ra xem xét giải quyết và đình chỉ xét xử đối với quan hệ: "Chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật", chỉ xem xét đối với yêu cầu còn lại.

2. Đối với yêu cầu phản tố đòi quyền sử dụng đất của bị đơn, do bị đơn đã nhận được thông báo bằng văn bản về việc thực hiện nộp chi phí tố tụng (Bút lục 95 - 96), nhưng không thực hiện; tại phiên tòa bà C cũng cho rằng không có tiền nộp, nên căn cứ vào qui định tại khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, và không có quyền khởi kiện lại.

Do các yêu cầu mà đương sự đã rút và đình chỉ giải quyết, đình chỉ xét xử, nên các tài liệu chứng cứ có liên quan được thu thập trong hồ sơ vụ án không đưa ra xem xét, đánh giá toàn diện; chỉ xem xét đến các chứng cứ, tài liệu có liên quan đến yêu cầu còn lại được giải quyết.

3. Ông C trình bày có chuyển nhượng đất tranh chấp cho người khác là bà Lê Thị H, nhưng nay đã ngưng giao dịch, không thực hiện nữa, nên bà H không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

{II}- Về nội dung vụ án:

1- Ông Nguyễn Văn C có quyền sử dụng diện tích 356,1m^2, thửa số 1494, tờ bản đồ số TTC1, tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nguồn gốc thửa đất là do ông được thừa kế, thỏa thuận phân chia từ di sản của mẹ để lại là bà Trần Thị H, bà H có đứng tên quyền sử dụng các thửa đất vào năm 1997. Trình tự, thủ tục cấp đất cho bà H, từ bà H sang cho ông C là thực hiện theo qui định của pháp luật đất đai; ông C được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện hộ đứng tên vào ngày 02/8/2012.

Tiếp giáp về hướng Nam đất ông C là đất của hộ ông Đặng Ngọc C thuộc thửa số 437, tờ bản đồ TTC1, diện tích 13.798m^2 tại 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 13/10/2000. Thửa đất này ông C được cấp quyền sử dụng (năm 2000) là trước khi ông C được cấp quyền sử dụng (năm 2012), khi đó hộ gia đình ông C không có khiếu nại hoặc tranh chấp gì đối với diện tích đất được công nhận quyền sử dụng cho ông và ông C; như vậy, ông Đặng Ngọc C và ông Nguyễn Văn C đã được nhà nước (Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè) giao và công nhận quyền sử dụng đất, phù hợp theo qui định của pháp luật đất đai. Hộ gia đình ông C có ý kiến cho rằng thửa đất của ông C có nguồn gốc là của ông bà, cha mẹ của ông C để đòi lại là hoàn toàn không có cơ sở. Tuy nhiên, do yêu cầu phản tố đòi đất của ông C bị đình chỉ giải quyết theo điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên không xem xét giải quyết, và không còn quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết lại tranh chấp này theo Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở cho thấy ông Nguyễn Văn C đã được công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 356,1m^2, thửa số 1494, tờ bản đồ số TTC1, tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là phù hợp qui định pháp luật, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu này của ông C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông C được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố bị đình chỉ, nhưng phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, và vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 228, 217, 218, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 169 Bộ luật dân sự; các Điều 100, 101, 170, 203 Luật đất đai.

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

- Ông Nguyễn Văn C đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 1494, tờ bản đồ TTC1, diện tích 356,1m^2 (đo đạc thực tế là 337,7m^2) tọa lạc ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang bằng giấy chứng nhận số CH 00667 ngày 02/8/2012 là đúng qui định.

- Ông Nguyễn Văn C có quyền đối với thửa đất theo qui định của Bộ luật dân sự và Luật đất đai.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật của ông Nguyễn Văn C.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố về đòi quyền sử dụng thửa đất số 1494, diện tích 356,1m^2 của ông Đặng Ngọc C.

Hậu quả đình chỉ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: - Hoàn lại cho ông C 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10385 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại cho ông Đặng Ngọc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002079 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nhưng được cấn trừ vào số tiền án phí sơ thẩm ông phải chịu là 300.000 đồng, như vậy xem như ông thi hành xong về án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xét xử phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Giàu

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG
- VKSND huyện Cái Bè
- Chi cục THA d/s huyện Cái Bè
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.